UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1564 /BC-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG
Tháng 3 năm 2024

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

Sở Tài chính báo cáo giá thị trường tháng 3 năm 2024, như sau:

1. Tỷ lệ tăng giảm so với tháng trước

Theo Báo cáo tháng 3/2024 của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng: Giá vàng, gas trong nước tăng theo giá thế giới; giá điện sinh hoạt, tiền thuê nhà ở tăng là những nguyên nhân làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2024 tăng 0,19% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng chủ yếu, 05 nhóm có chỉ số giá tăng (trong đó, tăng cao nhất là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+1,88%) do giá gas, điện, nước, vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng; 04 nhóm đồ uống và thuốc lá, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác có mức tăng nhẹ từ 0,01% đến 0,8%); 02 nhóm hàng giảm giá (nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,4% chủ yếu do nhóm lương thực, thực phẩm giảm; nhóm giao thông giảm 0,19% do giá dịch vụ giao thông công cộng giảm); 04 nhóm có giá ổn định không tăng giảm so với tháng trước (nhóm may mặc, mũ nón, giày dép; nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục).

Tháng 3 rơi vào tiết Thanh minh, nên nhu cầu về thịt heo, một số loại rau cải, trái cây trên địa bàn tăng cao.

- Nhóm lương thực, thực phẩm: Tăng 0,97%.
- Nhóm vật tư nông nghiệp: Không tăng, giảm.
- Đồ uống: Không tăng, giảm (do danh mục lấy giá chủ yếu là bia, rượu).
- Nhóm vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt: Tăng 0,16%.
- Nhóm giao thông: Tăng 0,57%.
- Nhóm giáo dục: Không tăng, giảm.
- Vàng 99,99% nhẫn trơn: Tăng 6,66%.
- Đôla Mỹ: Tăng 0,93%.

2. Diễn biến giá cả của một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể:

a) Lương thực

Giá lúa tươi thương lái mua tại ruộng như sau: Lúa Tài nguyên giá 10.000 đồng/kg đến 10.500 đồng/kg, lúa Nhật giá 10.500 đồng/kg đến 11.000 đồng/kg, lúa ST 25 giá bán 10.500 đồng/kg đến 11.000 đồng/kg,

Giá gạo bán lẻ tại chợ truyền thống như sau: Gạo tẻ thường giá bán 15.000 đồng/kg đến 16.000 đồng/kg, gạo Tài nguyên giá bán 18.000 đồng/kg đến 19.000 đồng/kg, gạo ST 25 giá bán 30.000 đồng/kg đến 35.000 đồng/kg.

b) Thực phẩm

- Giá heo hơi dao động từ 58.000 đồng/kg đến 60.000 đồng/kg (tăng khoảng 5.000 đồng/kg so với tháng trước), thịt ba rọi heo giá bán từ 125.000 đồng/kg đến 145.000 đồng/kg, nạc thăn heo giá bán từ 140.000 đồng/kg đến 145.000 đồng/kg.

- Cá lóc ruộng giá bán từ 120.000 đồng/kg đến 150.000 đồng/kg. Trứng vịt tươi có giá 3.000 đồng/trứng đến 3.800 đồng/trứng, trứng gà ta giá bán từ 3.500 đồng/trứng đến 3.600 đồng/trứng, cua biển loại 2-3 con/kg (cua thịt) có giá 250.000 đồng/kg đến 270.000 đồng/kg.

- Bắp cải trắng có giá bán từ 15.000 đồng/kg đến 18.000 đồng/kg, cải ngọt có giá bán từ 12.000 đồng/kg đến 15.000 đồng/kg, bí đỏ có giá bán từ 10.000 đồng/kg đến 15.000 đồng/kg, xà lách có giá bán từ 20.000 đồng/kg đến 25.000 đồng/kg, cà rốt có giá bán từ 25.000 đồng/kg đến 27.000 đồng/kg.

- Bưởi da xanh có giá bán từ 25.000 đồng/kg đến 30.000 đồng/kg, cam sành có giá bán từ 10.000 đồng/kg đến 15.000 đồng/kg, quýt đường có giá bán từ 50.000 đồng/kg đến 60.000 đồng/kg.

c) Chất đốt

Giá gas tăng 2.000 đồng/bình 12 kg tương đương tăng 0,4% so tháng trước, giá bán lẻ gas Petimex bình 12 kg là 453.000 đồng/bình (giá tháng trước là 451.000 đồng/bình).

d) Giao thông

Trong tháng, xăng dầu có các lần điều chỉnh giá cụ thể sau:

Xăng, dầu	29/02/2024	07/3/2024	14/3/2024	21/3/2024	28/3/2024
Ron 95-III	24.390	24.020	24.010	24.760	25.300
E5 Ron 92-II	23.200	22.960	22.930	23.670	24.090
Điezen 0,01S-V	22.190	21.880	21.590	22.070	21.740
Điezen 0,05S-II	21.180	20.870	20.950	21.430	21.100
Dầu hỏa 2-K	21.190	21.010	21.110	21.680	21.280

e) Giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng, vàng nhẫn 99,99% giá bán bình quân khoảng 6.795.400 đồng/chỉ, tiếp tục tăng 424.100 đồng/chỉ (tương đương tăng 6,66%) so với giá bán ra bình quân tháng trước (tháng trước là 6.371.300 đồng/chỉ); những ngày cuối tháng giá cao nhất khoảng 7.000.000 đồng/chỉ, giá thấp nhất là những ngày đầu tháng 6.700.000 đồng/chỉ.

Tỷ giá của đồng đô la Mỹ tăng 230 đồng/USD (tương đương tăng 0,93 %) ở cả 2 chiều mua vào và bán ra. Trung bình trong tháng: Tỷ giá bán ra của đồng đô la Mỹ là 24.891 đồng/USD, tỷ giá mua vào tiền mặt là 24.550 đồng/USD,

mua vào chuyển khoản 24.563 đồng/USD (Nguồn: Tỷ giá đồng đô la Mỹ tại Ngân hàng Vietcombank).

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ theo danh mục quy định tại Điều 7, Thông tư số 116/2018/TT-BTC *(Đính kèm Phụ lục 1)*

Giá tại báo cáo này là giá bình quân trong tháng được thu thập chủ yếu bằng phỏng vấn trực tiếp, dùng để tham khảo, không dùng để thanh, quyết toán. Việc thanh, quyết toán phải thực hiện phù hợp theo quy định hiện hành.

4. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá của địa phương đã triển khai trong kỳ báo cáo

- Công tác kê khai giá được duy trì thực hiện thường xuyên, trong tháng các mặt hàng có sự biến động kê khai chủ yếu là các mặt hàng xăng, dầu, gas, thép.

- Chủ động theo dõi diễn biến tình hình thị trường, nhất là các mặt hàng như xăng, dầu, gas, vàng...

- Tham gia Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự; Hội đồng định giá theo vụ việc của Tòa án.

- Thẩm định giá dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị theo đề nghị của các đơn vị.

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, trang thiết bị theo đề nghị của các đơn vị.

- Thẩm định giá đất cụ thể thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giá mua sắm tài sản trang thiết bị theo yêu cầu của cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo giá thị trường tháng 3 năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH SÓC TRĂNG

Trần Kim Huy

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Giá;
- csgia@mof.gov.vn;
- VP UBND tỉnh;
- Cơ sở Giáo dục bắt buộc Cồn Cát;
- Cổng Thông tin điện tử STC;
- Lưu: VP, GCSDN.